

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG TƯ**  
**Quy định chi tiết một số điều của các Nghị định**  
**liên quan đến kinh doanh thuốc lá**

Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

2. Thông tư số 53/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

3. Thông tư số 30/2022/TT-BCT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

4. Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

5. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

6. Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026;

7. Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá như sau:<sup>1</sup>*

<sup>1</sup> Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá như sau:”*

Thông tư số 53/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá như sau:”*

Thông tư số 30/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,  
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá như sau:  
Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá có căn cứ ban hành như sau:  
“Căn cứ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá;  
Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;  
Căn cứ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;  
Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;  
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp và Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,  
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.”  
Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:  
“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;  
Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  
Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;  
Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,  
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.”  
Thông tư số 15/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:  
“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;  
Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;  
Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;  
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.”  
Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:  
“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;  
Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;  
Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;  
Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;  
Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.<sup>2</sup> Mẫu đơn đề nghị, mẫu Giấy phép và các mẫu bảng kê liên quan đến việc cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép bao gồm: Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Hướng dẫn chế độ, biểu mẫu báo cáo; danh mục thiết bị chuyên ngành thuốc lá; hướng dẫn biểu mẫu đăng ký nhu cầu nhập khẩu giấy cuốn điếu thuốc lá, sợi thuốc lá, nguyên liệu lá thuốc lá và quy định về kiểm tra các hoạt động trong kinh doanh thuốc lá.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá và các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh thuốc lá trên lãnh thổ Việt Nam.

#### Điều 3. Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá

1. Căn cứ vào lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm, sản lượng sản xuất của doanh nghiệp, khả năng đáp ứng nguyên liệu trong nước và nhu cầu đăng ký của doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>3</sup> sẽ xem xét chấp thuận cho doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá đúng mục đích không trao đổi, mua bán dưới mọi hình thức. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký theo mẫu Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>4</sup>.

3. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu gửi

---

*Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.*"

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>3</sup> Cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" được sửa đổi thành cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 6 Điều 30 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

<sup>4</sup> Cụm từ "Bộ Công Thương" được sửa đổi thành cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 6 Điều 30 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>5</sup>.

## Chương II

### MẪU ĐƠN, BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP VÀ MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

**Điều 4.<sup>6</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 5.<sup>7</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 6. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá**

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này.

2. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị chuyên ngành đồng bộ của công đoạn chế biến nguyên liệu thuốc lá, thiết bị kiểm tra chất lượng nguyên liệu trước và sau chế biến theo mẫu Phụ lục 11 kèm theo Thông tư này.

3. Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, âm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá theo mẫu Phụ lục 12 kèm theo Thông tư này.

**Điều 7. Mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá**

1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 14 kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 (ba) năm gần nhất (nếu có) và dự kiến sản lượng sản xuất kinh doanh của 05 (năm) năm tiếp theo theo mẫu Phụ lục 15 kèm theo Thông tư này.

3. Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị cuốn điếu thuốc lá và đóng bao thuốc lá theo mẫu Phụ lục 16 kèm theo Thông tư này.

4. Bảng kê về đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 17 kèm theo Thông tư này.

**Điều 8.<sup>8</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 9. Mẫu Giấy chứng nhận, Giấy phép**

<sup>5</sup> Cụm từ “Bộ Công Thương” được sửa đổi thành cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 6 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

<sup>6</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>7</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>8</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

1.<sup>9</sup> (được bãi bỏ)

2.<sup>10</sup> (được bãi bỏ)

3. Mẫu Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 13 kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 18 kèm theo Thông tư này.

5.<sup>11</sup> (được bãi bỏ)

### Chương III

## MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP VÀ MẪU GIẤY CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP LẠI ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

**Điều 10. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá<sup>12</sup>**

1. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 30, 32 kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu giấy cấp sửa đổi, bổ sung đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 31, 33 kèm theo Thông tư này.

**Điều 11. Mẫu đơn đề nghị, Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá<sup>13</sup>**

1. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp, hết thời hạn hiệu lực theo mẫu Phụ lục 10, 14 kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy theo mẫu Phụ lục 38, 40 kèm theo Thông tư này.

<sup>9</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>10</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>11</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>12</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>13</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

3. Mẫu giấy cấp lại đối với Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy theo mẫu Phụ lục 39, 41 kèm theo Thông tư này.

## **Chương IV**

### **BIỂU MẪU, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 12. Biểu mẫu, chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý nhà nước<sup>14</sup>**

Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công Thương tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn theo mẫu Phụ lục 55 kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 13. Biểu mẫu, chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp**

1.<sup>15</sup> Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, nhập khẩu thuốc lá phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương về hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc lá và nhập khẩu sản phẩm thuốc lá (trước ngày 10 tháng 01 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) theo mẫu Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá gửi báo cáo về Bộ Công Thương tình hình nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 60 kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương về tình hình mua bán nguyên liệu thuốc lá trong nước để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước và sản xuất xuất khẩu chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 61 kèm theo Thông tư này.

4.<sup>16</sup> Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá phải gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn tỉnh chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 62 kèm theo Thông tư này.

#### **5.<sup>17</sup> (được bãi bỏ)**

6.<sup>18</sup> Định kỳ 06 (sáu) tháng doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá phải gửi báo cáo về cơ quan cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá về tình

<sup>14</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>15</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

<sup>16</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>17</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục 64 kèm theo Thông tư này.

7.<sup>19</sup> Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp kinh doanh thuốc lá phải gửi báo cáo năm trước của đơn vị mình về cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy phép về tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 65 kèm theo Thông tư này.

8.<sup>20</sup> Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị mới để sản xuất xuất khẩu hoặc thay thế máy móc, thiết bị cũ, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá báo cáo về Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, tình hình nhập khẩu và sử dụng máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá theo mẫu Phụ lục 66 kèm theo Thông tư này.

9.<sup>21</sup> Định kỳ 06 (sáu) tháng, nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá (thương nhân sản xuất) có trách nhiệm gửi báo cáo thống kê sản lượng, loại sản phẩm thuốc lá kinh doanh trên thị trường về Bộ Công Thương theo Mẫu số 19, Mẫu số 20 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

#### 10.<sup>22</sup> (được bãi bỏ)

#### **Điều 13a. Phương thức gửi, nhận báo cáo:<sup>23</sup>**

Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

<sup>18</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>19</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>20</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>21</sup> Khoản này được sửa đổi lần thứ nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và khoản 1 Điều 31 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Khoản này được sửa đổi lần thứ hai theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>22</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>23</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

## Chương V

### QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA

#### Điều 14. Kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kinh doanh thuốc lá đối với từng tổ chức, cá nhân cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm.

2. Kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm phải có những nội dung chủ yếu sau: Mục đích, yêu cầu kiểm tra; đối tượng và phạm vi cần kiểm tra; các nội dung cần kiểm tra; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra; kinh phí kiểm tra; lực lượng kiểm tra; phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra; chế độ báo cáo.

3. Trước khi kiểm tra cơ quan kiểm tra phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kiểm tra.

#### Điều 15. Kiểm tra đột xuất

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất trong các trường hợp sau:

1.<sup>24</sup> Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá vi phạm các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng có giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, thông tin từ đơn thư khiếu nại tố cáo hoặc tin báo của tổ chức, cá nhân.

3. Theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên có thẩm quyền.

4. Cơ quan kiểm tra không cần phải thông báo trước kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân.

#### Điều 16. Nội dung kiểm tra<sup>25</sup>

1. Kiểm tra hồ sơ việc cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện: mua bán nguyên liệu thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất sản phẩm thuốc lá, kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá, đầu tư nước ngoài sản xuất sản

<sup>24</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>25</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về sử dụng máy móc thiết bị chuyên ngành sản xuất thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá và tem sản phẩm thuốc lá theo quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 17. Xử lý kết quả kiểm tra**

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra ngay sau khi kết thúc kiểm tra tại nơi kiểm tra theo mẫu Phụ lục 73 và 74 kèm theo Thông tư này và thông báo kết quả kiểm tra đến cơ quan kiểm tra và tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

2. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, tùy theo mức độ vi phạm, Đoàn kiểm tra kiến nghị cơ quan kiểm tra xử phạt hoặc làm thủ tục chuyển giao hồ sơ về hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

#### **Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan kiểm tra**

Cơ quan kiểm tra hoạt động kinh doanh có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.
3. Ra quyết định xử lý chậm nhất trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra về việc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh thuốc lá.

4. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

5. Thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả kiểm tra, kết luận có liên quan.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định của Đoàn kiểm tra, hành vi của thành viên Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Đoàn kiểm tra**

Trong hoạt động kiểm tra Đoàn kiểm tra có các trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Thực hiện kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá theo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra quy định tại Điều 18 của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc lá.

3. Tổng hợp, báo cáo tình hình kiểm tra, kết quả kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

4. Yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu liên quan khi cần thiết.

5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá không tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá thực hiện biện pháp khắc phục.

### **Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá**

1. Phối hợp với Đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra trong quá trình kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc lá tại nơi kiểm tra.

2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc lá theo quy định tại Điều 18 của Thông tư này.

3. Chấp hành các hoạt động kiểm tra của cơ quan kiểm tra, Đoàn kiểm tra và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực hiện báo cáo:

a) Tình hình khắc phục các lỗi vi phạm trong quá trình kinh doanh đến cơ quan kiểm tra;

b) Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh thuốc lá khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động kinh doanh thuốc lá theo quy định của pháp luật.

6. Khắc phục các lỗi không đạt được nêu trong biên bản kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, Đoàn kiểm tra.

7. Khiếu nại kết luận của Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>26</sup>**

<sup>26</sup> Điều 2 của Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.”*

Điều 2 của Thông tư số 53/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.*

*2. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá./.”*

Điều 2 của Thông tư số 30/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.*

*2. Bãi bỏ Thông tư số 53/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.”*

Điều 8 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

**“Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 02 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc về Bộ Công Thương để Bộ Công Thương giải quyết và xem xét điều chỉnh Thông tư theo thẩm quyền.”

Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

**“Điều 37. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm d khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ “Vụ Khoa học và công nghệ” tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ “Sở Công Thương” tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Cụm từ “theo đường bưu điện” trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.”

Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 15/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2026.

2. Thay thế một số biểu mẫu của phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT tại Phụ lục 1 Thông tư này.

3. Thay thế Bảng 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT tại Phụ lục 2 Thông tư này.

**Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

## Điều 21. Tổ chức thực hiện

1.<sup>27</sup> Cục Công nghiệp theo chức năng nhiệm vụ, chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá.

c) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đối với các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh thuốc lá theo quy định.

### 2.<sup>28</sup> (được bãi bỏ)

3.<sup>29</sup> Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các đơn vị thực hiện tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá.

2. Các hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thi cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ./.”

Điều 27, Điều 28 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

#### “Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.
2. Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
3. Quy định về thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các giấy phép trong lĩnh vực quá cảnh quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.
4. Quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Thông tư này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

#### Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.
2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền./.”

<sup>27</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Khoản này được sửa đổi lần thứ hai theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>28</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>29</sup> Khoản này được sửa đổi lần thứ nhất theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Khoản này được sửa đổi lần thứ hai theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

4.<sup>30</sup> (**được bãi bỏ**)

5.<sup>31</sup> (**được bãi bỏ**)

6.<sup>32</sup> Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trả lời doanh nghiệp đối với các thủ tục: cấp, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá; Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước.

b) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và tổ chức hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc lá và quy định của pháp luật liên quan.

7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá

a) Thực hiện quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung, Thông tư này và những quy định của pháp luật liên quan.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo được quy định tại Thông tư này.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá không thực hiện đầy đủ quy định tại Thông tư này sẽ là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2019 trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2.<sup>33</sup> Quy định về mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá và mẫu Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá của Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

<sup>30</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>31</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>32</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

<sup>33</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 53/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu

3. Bãi bỏ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trừ quy định tại khoản 4 Điều này.

4.<sup>34</sup> Quy định về mẫu đơn, bảng kê đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá và mẫu Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá của Thông tư số 21/2013/TT-BCT được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

5. Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc về Bộ Công Thương để Bộ Công Thương giải quyết và xem xét điều chỉnh Thông tư theo thẩm quyền./.

## **BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: **35** /VBHN-BCT

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Báo Công Thương (để đăng Website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về PL);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC.

## **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày **26** tháng **5** năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trương Thanh Hoài**

lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 30/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

<sup>34</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 53/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 30/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 1<sup>35</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>35</sup> Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 2<sup>36</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>36</sup> Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 3<sup>37</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>37</sup> Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 4<sup>38</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>38</sup> Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 5<sup>39</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>39</sup> Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 6<sup>40</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>40</sup> Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 7<sup>41</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>41</sup> Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 8<sup>42</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>42</sup> Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 9<sup>43</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>43</sup> Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 10***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Địa điểm sản xuất:.....Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đề nghị .....(1) xem xét cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:
  - Loại nguyên liệu thuốc lá:.....(2)
  - Năng lực chế biến:.....(3) tấn nguyên liệu/năm

.....(4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***(ký tên và đóng dấu)**Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép
- (2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá chế biến (ví dụ: sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...)
- (3): Công suất thiết kế đồng bộ của dây chuyền thiết bị chế biến nguyên liệu thuốc lá.
- (4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

**Phụ lục 11***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ****DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH VÀ THIẾT BỊ KIỂM TRA  
CHẤT LƯỢNG NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Số TT	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật chính	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sử dụng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
...						

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục 12***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ  
TRANG THIẾT BỊ**

Số TT	Tên phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>I. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy</b>				
1				
2				
....				
<b>II. Âm kế, nhiệt kế</b>				
1				
2				
...				
<b>III. Giá, kệ đỡ kiện nguyên liệu thuốc lá</b>				
1				
2				
....				
<b>IV. Hệ thống thông gió</b>				
1				
2				
...				
<b>V. Phương tiện phòng chống sâu, mối mọt</b>				
1				
2				
...				

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên và đóng dấu)

*Chú thích:*

(1): Ghi rõ loại phương tiện và trọng tải của phương tiện.

**PHỤ LỤC 13**  
**MẪU GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 13 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ  
NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP**  
**CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP**

Căn cứ .....(1);

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

*Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(2);*

*Theo đề nghị của .....(3),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

Điện thoại....., Fax.....;

3. Địa điểm sản xuất.....;

Điện thoại....., Fax.....;

<sup>44</sup> Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 02 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

5. Được phép chế biến các loại nguyên liệu thuốc lá sau: .....(4)

6. Năng lực chế biến.....(5) tấn nguyên liệu/năm

### **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

### **Điều 3. Thời hạn của Giấy phép**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng .... năm...../.

### **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP**

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

#### **Nơi nhận:**

- ..... (2);
- ..... (6);
- Lưu: ....(3)

#### **Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá chế biến (ví dụ: thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...)
- (5): Công suất thiết kế của dây chuyền thiết bị đồng bộ để chế biến nguyên liệu thuốc lá.
- (6): Tên các tổ chức có liên quan.

**Phụ lục 14***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..... tháng..... năm.....
5. Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....
6. Đề nghị .....(1) xem xét cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá:
  - Loại sản phẩm thuốc lá:.....(2)
  - Dự kiến sản lượng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước được phép sản xuất.....triệu bao/năm

....(3)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***(họ và tên, ký tên, đóng dấu)**Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Ghi các loại sản phẩm thuốc lá (ví dụ: thuốc lá điều nhân quốc tế, thuốc lá điều nhân nội địa).
- (3): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

**Phụ lục 15***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	THỰC HIỆN			DỰ KIẾN				
			Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...
I	<b>Sản lượng thuốc lá điều tiêu thụ, trong đó:</b>	Triệu bao								
1	Sản lượng thuốc lá điều tiêu thụ nội địa - Sản phẩm nhãn quốc tế + Sản phẩm A + Sản phẩm B - Sản phẩm nhãn nội địa + Sản phẩm bao cứng + Sản phẩm bao mềm	Triệu bao								
2	Sản lượng thuốc lá điều xuất khẩu	Triệu bao								
II	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng								
III	<b>Giá trị SXCN</b>	Triệu đồng								
IV	<b>Nộp ngân sách</b>	Triệu đồng								
V	<b>Lợi nhuận</b>	Triệu đồng								
VI	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	1.000 USD								

**Người lập báo cáo**  
*(ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**  
*(ký tên và đóng dấu)*

**Phụ lục 16***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ VÀ ĐÓNG BAO THUỐC LÁ**

Số TT	Tên thiết bị	Số lượng (cái)	Xuất xứ	Năm sử dụng	Quyền sở hữu (cái)		Năng lực (triệu bao/năm/3 ca/ngày) (1)		Sản lượng được phép sản xuất (tr.bao/năm)(2)
					Doanh nghiệp	Thuê, mượn	Công suất thiết kế	Công suất thực tế	
I	<b>Máy cuốn điều</b>								
1	Máy cuốn điều 1								
2	Máy cuốn điều 2								
3	Máy cuốn điều...								
II	<b>Máy đóng bao</b>								
1	Máy đóng bao 1								
2	Máy đóng bao 2								
3	Máy đóng bao ...								

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên và đóng dấu)

*Chú thích:*

(1): Quy đổi ra bao 20 điều tính theo 03 ca/ngày

(2): Sản lượng được ghi trong Giấy phép sản xuất thuốc lá.

**Phụ lục 17***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG KÊ  
ĐÀU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Số TT	Khoản mục thuốc lá	Loại cây	Địa điểm(1)	Diện tích (ha)	Tổng sản lượng (tấn)
1	Đầu tư trực tiếp				
2	Đầu tư gián tiếp				

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo***(ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(ký tên và đóng dấu)**Chú thích:*

(1): Ghi cụ thể tên địa phương (từ cấp huyện, tỉnh)

**Phụ lục 18***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP- BCT

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG***Căn cứ .....(1);*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

*Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số...ngày ... tháng .. năm .. của.....(2);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....;

- Điện thoại.....,

- Fax.....,

3. Địa điểm sản xuất.....;

- Điện thoại.....,

- Fax.....;

4. Quyết định thành lập số:..... ngày.....tháng.....năm..... của..... Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

6. Sản lượng được phép sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước.....(3) triệu bao/năm.

7. Được phép sản xuất các loại sản phẩm thuốc lá sau:.....(4)

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng ..... năm...../.

**BỘ TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- .. .....(1);
- .....(5);
- Lưu: VT, CN

**Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thuốc lá trong nước của doanh nghiệp.
- (4): Ghi các loại sản phẩm thuốc lá (ví dụ: thuốc lá điếu nhãn quốc tế, thuốc lá điếu nhãn nội địa).
- (5): Tên các tổ chức có liên quan.

**Phụ lục 19<sup>45</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>45</sup> Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 20<sup>46</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>46</sup> Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 21<sup>47</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>47</sup> Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 22<sup>48</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>48</sup> Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 23<sup>49</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>49</sup> Phụ lục 23 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 24<sup>50</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>50</sup> Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 25<sup>51</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>51</sup> Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 26<sup>52</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>52</sup> Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 27<sup>53</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>53</sup> Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 28<sup>54</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>54</sup> Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 29<sup>55</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>55</sup> Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 30**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN  
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....

3. Địa điểm sản xuất:.....Điện thoại.....Fax.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp  
ngày.....tháng..... năm.....

5. Đã được.....(1) cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã  
được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)

Đề nghị ....(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng phép chế biến nguyên liệu thuốc lá  
với nội dung sau *(tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp)*:

- Thông tin cũ:.....(3)

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

- Lý do sửa đổi, bổ sung:.....

- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật

liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
(ký tên và đóng dấu)

*Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

**PHỤ LỤC 31**  
**MẪU GIẤY CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

(Thay thế Phụ lục 31 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP- ..... , ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**  
 (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP**

Căn cứ .....(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) và Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...) số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) (nếu có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(3);

Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4) như sau:

.....(5)

<sup>56</sup> Phụ lục 31 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 03 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**Điều 2.** Các nội dung khác quy định tại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4) không thay đổi. Giấy phép này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số....(4)

**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện:

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 4.** Điều khoản thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ  
NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP  
PHÉP**

**Nơi nhận:**

- .. .....(1);
- .....(6);
- Lưu: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

*(ký tên và đóng dấu)*

**Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.
- (2): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (3): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (4): Ghi rõ số, ngày tháng năm của Giấy phép cấp lần đầu.
- (5): Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung
- (6): Tên các cơ quan liên quan.

**Phụ lục 32***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....;
  2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....;
  3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax.....;
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày ..... tháng..... năm.....
  5. Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....
- Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....
6. Đã được.....(1) cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
- Đề nghị ....(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá với nội dung sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp):
- Thông tin cũ:.....(3)
  - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
  - Lý do sửa đổi, bổ sung:.....
  - Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày

26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

*Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

**Phụ lục 33***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***BỘ CÔNG THƯƠNG**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /GP- BCT

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ***(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)***BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG***Căn cứ .....(1);**Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;**Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;**Căn cứ Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) và Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...) số...ngày ... tháng .... năm .... do...(2) (nếu có)**Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(3);**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số....(4) như sau:

.....(5)

**Điều 2.** Các nội dung khác quy định tại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số....(4) không thay đổi. Giấy phép này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số....(4)**Điều 3.** Trách nhiệm thực hiện:

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 4.** Điều khoản thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**BỘ TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- .. .....(1);
- .....(6);
- Lưu: VT, CN.

**Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương.
- (2): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (3): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (4): Ghi rõ số, ngày tháng năm của Giấy phép cấp lần đầu.
- (5): Ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.
- (6): Tên các cơ quan liên quan.

**Phụ lục 34<sup>57</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>57</sup> Phụ lục 34 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 35<sup>58</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>58</sup> Phụ lục 35 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 36<sup>59</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>59</sup> Phụ lục 36 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 37<sup>60</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>60</sup> Phụ lục 37 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 38***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI****GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ***(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Đã được.....(1) cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
6. Đề nghị ....(1) xem xét cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....(3)

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***(ký tên và đóng dấu)**Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép.

**PHỤ LỤC 39**  
**MẪU GIẤY CẤP LẠI GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**  
*(Thay thế Phụ lục 39 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ  
NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**  
 (Cấp lại lần thứ ...)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP**

*Căn cứ* .....(1);

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

*Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

*Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số.....ngày ... tháng .... năm .... của.....(2);*

*Theo đề nghị của .....(3),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

3. Điện thoại....., Fax.....;

4. Địa điểm sản xuất....., Điện thoại.....Fax.....;

<sup>61</sup> Phụ lục 39 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 04 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số .....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

6. Được phép chế biến các loại nguyên liệu thuốc lá sau: .....(4)

7. Năng lực chế biến.....(5) tấn nguyên liệu/năm

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(6)**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng .... năm...../.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ  
NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CẤP  
PHÉP**

**Nơi nhận:**

- ..... (2);
- ..... (7);
- Lưu: ....(3)

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá chế biến (ví dụ: thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).
- (5): Công suất thiết kế của dây chuyền thiết bị đồng bộ để chế biến nguyên liệu thuốc lá.
- (6): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn đã ghi trong Giấy phép được cấp lần đầu.
- (7): Tên các tổ chức có liên quan.

**Phụ lục 40**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: .....(1)

- 1. Tên doanh nghiệp:.....
- 2. Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:.....
- 3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax.....
- 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ....ngày.....tháng..... năm.....
- 5. Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....
- 6. Đã được.....(1) cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
- 7. Đề nghị ....(1) xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá với lý do sau:.....(3)
- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

....(5)xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(họ và tên, ký tên, đóng dấu)*

*Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép.

**Phụ lục 41**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /GP-BCT

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

**(Cấp lại lần thứ...)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ .....(1);*

*Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

*Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số... ngày ... tháng .. năm .. của.....(2);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá**

1. Cho phép.....(2)

2. Địa chỉ trụ sở chính.....;

Điện thoại..... Fax.....;

3. Địa điểm sản xuất:.....;

Điện thoại.....Fax.....;

4. Quyết định thành lập số:.... ngày.....tháng.....năm..... của..... Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do .....cấp ngày..... tháng..... năm.....

6. Được phép sản xuất các loại sản phẩm thuốc lá sau:.....(4)

7. Sản lượng được phép sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước.....(5) triệu bao/năm

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

.....(2) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(6)**

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng ..... năm...../.

**BỘ TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- .. .....(1);
- .....(7);
- Lưu: VT, CN.

**Chú thích:**

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Khả năng của máy móc thiết bị đồng bộ để sản xuất sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi các loại sản phẩm thuốc lá (ví dụ: thuốc lá điếu nhãn quốc tế, thuốc lá điếu nhãn nội địa).
- (5): Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp.
- (6): Thời hạn của Giấy phép là thời hạn ghi trong Giấy phép được cấp lần đầu
- (7): Tên các tổ chức có liên quan.

**Phụ lục 42<sup>62</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>62</sup> Phụ lục 42 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 43<sup>63</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>63</sup> Phụ lục 43 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 44<sup>64</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>64</sup> Phụ lục 44 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 45<sup>65</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>65</sup> Phụ lục 45 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 46<sup>66</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>66</sup> Phụ lục 46 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 47<sup>67</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>67</sup> Phụ lục 47 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 48<sup>68</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>68</sup> Phụ lục 48 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 49<sup>69</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>69</sup> Phụ lục 49 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 50<sup>70</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>70</sup> Phụ lục 50 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 51<sup>71</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>71</sup> Phụ lục 51 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 52<sup>72</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>72</sup> Phụ lục 52 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 53<sup>73</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>73</sup> Phụ lục 53 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 54<sup>74</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>74</sup> Phụ lục 54 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 55**

**Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn**  
(Thay thế Phụ lục 55 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)

UBND TỈNH, TP... (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ NĂM ...**

Kính gửi: Bộ Công Thương

(1). .... xin báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn tỉnh .... năm ... như sau:

Số TT	Tên doanh nghiệp trồng cây thuốc lá	Địa điểm đầu tư trồng cây thuốc lá(1)	Thực hiện 6 tháng đầu năm ...		Thực hiện cả năm ...	
			Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Doanh nghiệp A					
2	Doanh nghiệp B					
3	Doanh nghiệp C					
...	....					
	<b>Tổng</b>					

2. Đề xuất, kiến nghị.....

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể tên địa bàn từng xã

<sup>75</sup> Phụ lục 55 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bằng Mẫu số 03 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT theo quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 56<sup>76</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>76</sup> Phụ lục 56 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 57<sup>77</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>77</sup> Phụ lục 57 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**PHỤ LỤC 58****MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU***(Thay thế Phụ lục 58 Thông tư số 57/2018/TT-BCT)***XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**

.....

-----

Số: /...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ...***(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)***I. Danh sách thương nhân được cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

STT	Tên thương nhân	Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, Fax	Số Giấy phép, ngày cấp	Được phép mua của các thương nhân phân phối, bán buôn sản phẩm thuốc lá
1				
2				
...				

**II. Tình hình kinh doanh của thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

STT	Tên thương nhân	Tên của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá	Tồn kho trong kỳ		Mua vào trong kỳ		Bán ra trong kỳ	
			Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)	Số lượng (1.000 bao)	Trị giá (1.000 VNĐ)
1								
2								
....								
		<b>Tổng cộng</b>						

**III. Kiến nghị, đề xuất**

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH UBND**  
**XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**  
(ký tên, đóng dấu)

<sup>78</sup> Phụ lục 58 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 17 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**Phụ lục 59<sup>79</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>79</sup> Phụ lục 59 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 60**

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

**TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO****TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU, GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ ĐỂ SẢN XUẤT THUỐC LÁ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC**

(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Số TT	Khoản mục	ĐVT	Thực hiện nhập khẩu năm 20(1)..	Tồn kho đầu kỳ (đầu năm 20(2)...)	Số lượng được phép nhập khẩu năm(3)...	Thực hiện nhập khẩu 6 tháng năm 20...(4)	Ước thực hiện năm 20...(5)	Tồn kho cuối kỳ (6)
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu thuốc lá sợi, trong đó:</b>	Tấn						
1	Nhập khẩu trực tiếp	Tấn						
2	Nhập khẩu ủy thác	Tấn						
<b>II</b>	<b>Nguyên liệu lá thuốc lá, trong đó:</b>	Tấn						
1	Nhập khẩu trực tiếp	Tấn						
2	Nhập khẩu ủy thác	Tấn						
<b>III</b>	<b>Giấy cuốn điều, trong đó:</b>	Tấn						
1	Nhập khẩu trực tiếp	Tấn						
2	Nhập khẩu ủy thác	Tấn						

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Thực hiện của năm trước .
- (2): Tồn kho đầu kỳ của năm báo cáo
- (3): Số lượng được phép nhập khẩu của năm báo cáo
- (4): Thực hiện nhập khẩu 6 tháng của năm báo cáo
- (5): Ước thực hiện cả năm của năm báo cáo
- (6): Tồn kho cuối kỳ của năm báo cáo

**Phụ lục 61***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ TRONG NƯỚC**  
*(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Số TT	Loại nguyên liệu	ĐVT	Số lượng mua	Hợp đồng mua bán số ngày, tháng, năm	Tên, địa chỉ doanh nghiệp bán
1	Lá thuốc lá	Tấn			
2	Sợi thuốc lá	Tấn			
3	Cọng thuốc lá	Tấn			
4	Thuốc lá tẩm	Tấn			
...	...thuốc lá..	Tấn			
	<b>Tổng số</b>	<b>Tấn</b>			

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 62**  
**Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá**  
*(Thay thế Phụ lục 62 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
 -----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Số TT	Khoản mục	ĐVT	Thực hiện đầu tư năm 20...(1)	Kế hoạch đầu tư năm 20...(2)	Thực hiện đầu tư 6 tháng năm...(3)	Thực hiện năm 20...(4)	Kế hoạch năm 20...(5)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích</b>	<b>ha</b>					
<b>II</b>	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>					
Trong đó:							
<b>1</b>	<b>Đầu tư trực tiếp (6):</b>						
1.1	Diện tích	ha					
1.2	Sản lượng	Tấn					
<b>2</b>	<b>Đầu tư gián tiếp (6)</b>	<b>Tấn</b>					
1.1	Diện tích	ha					
1.2	Sản lượng	Tấn					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**

**Giám đốc**

<sup>80</sup> Phụ lục 62 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bằng Mẫu số 04 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT theo quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Thực hiện đầu tư của năm trước;
- (2): Kế hoạch đầu tư của năm báo cáo;
- (3): Thực hiện 6 tháng của năm báo cáo;
- (4): Thực hiện cả năm của năm báo cáo;
- (5): Kế hoạch năm sau;
- (6): Ghi cụ thể diện tích, sản lượng của từng địa phương (từ cấp xã, tỉnh) đầu tư.

**Phụ lục 63***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO****TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU ỦY THÁC NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ***(6 tháng đầu năm ..... (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm .....)*

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh...

Số TT	Loại nguyên liệu	ĐVT	Số lượng nhập khẩu	Hợp đồng NK ủy thác số ngày, tháng, năm	Tên doanh nghiệp ủy thác NK	Số lượng xuất khẩu	Hợp đồng XNK ủy thác số ngày, tháng, năm	Tên doanh nghiệp ủy thác XK
1	Lá thuốc lá	Tấn						
2	Sợi thuốc lá	Tấn						
3	Cọng thuốc lá	Tấn						
..	...thuốc lá...	Tấn						
	<b>Tổng số</b>	<b>Tấn</b>						

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 64****Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá**  
(Thay thế Phụ lục 64 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)**TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

Số TT	Loại nguyên liệu	ĐVT	Chế biến nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước	Chế biến nguyên liệu sản xuất xuất khẩu	Chế biến nguyên liệu gia công xuất khẩu
1	Lá thuốc lá	Tấn			
2	Sợi thuốc lá	Tấn			
3	Cọng thuốc lá...	Tấn			
...	.....thuốc lá..				
	<b>Tổng số</b>	<b>Tấn</b>			

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

<sup>81</sup> Phụ lục 64 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bằng Mẫu số 05 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT theo quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 65****Báo cáo tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá***(Thay thế Phụ lục 65 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT XUẤT KHẨU, GIA CÔNG XUẤT KHẨU NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép

TT	Nội dung thực hiện(1)	Hợp đồng số, ngày, năm tháng	Văn bản cho phép thực hiện của Cơ quan có thẩm quyền cấp phép	Số lượng nguyên liệu được phép nhập khẩu	Số lượng nguyên liệu đã nhập khẩu	Số lượng nguyên liệu đã sản xuất hoặc gia công	Số lượng nguyên liệu đã thanh khoản	Ghi chú
1								
2								
3								
...								

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể nội dung thực hiện sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu.

<sup>82</sup> Phụ lục 64 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bằng Mẫu số 06 Phần IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT theo quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 66***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO****HIỆN TRẠNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ NĂM 20 ...**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Số TT	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nhãn hiệu, xuất xứ	Năm		Công suất (triệu bao)		Hiệu suất sử dụng (%)	Năng lực (triệu bao/năm/3 ca)	Số máy tăng trong kỳ(1)	Sử dụng để SX TL tiêu thụ trong nước/sản xuất TL xuất khẩu
					Sản xuất	sử dụng	Thiết kế	Thực tế				
1	Tổng số máy cuốn điếu, trong đó: - Máy cuốn điếu A - Máy cuốn điếu B - Máy cuốn điếu....	cái										
2	Tổng số máy đóng bao, trong đó: - Máy đóng bao A - Máy đóng bao B - Máy đóng bao....	cái										

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập báo cáo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi cụ thể là đầu tư máy mới hay thay thế máy cũ

**Phụ lục 67<sup>83</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>83</sup> Phụ lục 67 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Phụ lục 68<sup>84</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>84</sup> Phụ lục 68 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

---

<sup>85</sup> Phụ lục 69 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 6 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 70<sup>86</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>86</sup> Phụ lục 70 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 71<sup>87</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>87</sup> Phụ lục 71 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

**Phụ lục 72**

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

**DANH MỤC  
MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ****I. Dây chuyền chế biến nguyên liệu thuốc lá****A. Công đoạn chế biến lá**

1. Máy cắt đầu lá
2. Xy lanh làm ẩm
3. Hầm ủ lá (xy lô trữ và ủ lá)
4. Máy sấy lá (sấy, làm nguội, làm dịu)
5. Hệ thống cân và đóng (ép) kiện lá

**B. Công đoạn chế biến cọng**

1. Xy lanh làm ẩm cọng lần 1
2. Xy lanh làm ẩm cọng lần 2
3. Hệ thống tước cọng, tách lá
4. Máy sấy cọng (sấy, làm nguội, làm dịu)
5. Máy phân loại, làm sạch cọng
6. Hệ thống cân và đóng (ép) kiện cọng

**II. Dây chuyền chế biến sợi thuốc lá****A. Công đoạn lá**

1. Thiết bị hấp chân không
2. Máy cắt kiện lá
3. Xy lanh làm ẩm lá
4. Xy lanh gia liệu
5. Hầm ủ lá (xy lô trữ và ủ lá)
6. Thiết bị dò kim loại
7. Máy thái lá
8. Thiết bị trương nở sợi
9. Thiết bị sấy
10. Thiết bị phân ly sợi
11. Hệ thống các cân định lượng

**B. Công đoạn cọng**

1. Máy tước cọng
2. Thiết bị gia ẩm cọng lần 1
3. Hầm ủ cọng (xy lô trữ và ủ cọng)

4. Thiết bị gia ẩm cọng lần 2
5. Thiết bị cán cọng
6. Máy thái cọng
7. Thiết bị trương nở cọng
8. Thiết bị sấy cọng
9. Thiết bị phân ly cọng
10. Hàm ủ cọng (xy lô ủ sợi cọng)
11. Hệ thống các cân định lượng

### **C. Công đoạn phối trộn sợi**

1. Thiết bị phun hương
2. Hàm ủ sợi (xy lô ủ sợi)
3. Hệ thống vận chuyển sợi thuốc lá đến máy cuốn điều (bằng khí động học hoặc cơ học)

### **III. Dây chuyền chế biến thuốc lá tẩm và các chế phẩm thay thế khác dùng để sản xuất các sản phẩm thuốc lá**

#### **IV. Máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá điều**

##### **A. Công đoạn cuốn điều - ghép đầu lọc**

1. Máy cuốn điều
2. Máy ghép đầu lọc
3. Máy nạp khay

##### **B. Công đoạn đóng bao**

1. Máy đóng bao
2. Máy đóng bóng kính bao
3. Máy đóng tút
4. Máy đóng bóng kính tút
5. Máy đóng thùng carton.

**Phụ lục 73***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)***TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Thực hiện Quyết định số /QĐ-..... ngày.....tháng.....năm.....của....(1) về việc thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc lá, hôm nay vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Đoàn kiểm tra, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp:....., kết quả như sau:

**I. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp kiểm tra:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do.....cấp..... ngày.....tháng.....năm...

3. Giấy phép (hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện) ....(2) số:..... do..... cấp..... ngày... tháng..... năm...

4. Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số:.....

5. Thành phần đoàn kiểm tra gồm các Ông (Bà) có tên sau đây: .....

6. Đại diện doanh nghiệp được kiểm tra.....chức vụ.....

**II. Nội dung và kết quả kiểm tra**

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
<b>A. Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá</b>				
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá			
3	Quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người			
4	Bảng kê danh sách lao động và hợp đồng lao động kỹ thuật			
5	Bảng kê hợp đồng và hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá			
6	Bảng kê hóa đơn, chứng từ đầu tư trồng cây thuốc lá cho người trồng cây thuốc lá và tổng giá trị đầu tư			
7	Bảng kê hóa đơn, chứng từ thu mua nguyên liệu của người trồng cây thuốc lá và tổng sản lượng thu mua			
8	Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá			
9	Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ			
<b>B. Điều kiện mua bán nguyên liệu thuốc lá</b>				
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
2	Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá			
3	Địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng			
4	Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị con người			
5	Hợp đồng nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá			
6	Điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ			
<b>C. Điều kiện về chế biến nguyên liệu thuốc lá</b>				
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
2	Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá			
3	Diện tích của cơ sở chế biến nguyên liệu thuốc lá			
4	Kho nguyên liệu thuốc lá			
5	Dây chuyền máy móc thiết bị chuyên ngành đồng bộ			
6	Trang thiết bị kiểm tra chất lượng nguyên liệu			
7	Nguồn gốc máy móc thiết bị			
8	Hợp đồng với người lao động			
9	Hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá			
10	Tiêu chuẩn nguyên liệu thuốc lá			

11	Phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy			
<b>D. Điều kiện về sản xuất sản phẩm thuốc lá</b>				
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
2	Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá			
3	Đầu tư trồng cây thuốc lá			
4	Sử dụng nguyên liệu thuốc lá			
5	Máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá			
6	Quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm thuốc lá			
7	Sở hữu nhãn hiệu hàng hoá			
8	Phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy			
9	Vệ sinh môi trường			

### III. Kết luận, kiến nghị và xử lý

#### 1. Kết luận

1.1 Các quy định doanh nghiệp thực hiện tốt:.....

.....

1.2. Những mặt còn tồn tại: .....

.....

#### 2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra đối với doanh nghiệp.....

2.2. Kiến nghị của doanh nghiệp đối với Đoàn kiểm tra.....

.....

3. Xử lý.....

Đoàn kiểm tra kết thúc hồi.....giờ.....ngày.....tháng .....năm.....  
Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung như nhau. Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên. 01 bản được giao cho đoàn kiểm tra và 01 bản được giao cho doanh nghiệp được kiểm tra.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
(ký tên, đóng dấu)

**Trưởng đoàn kiểm tra**  
(ký tên)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan kiểm tra

(2): Ghi tên Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá (ví dụ: Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá...).

**PHỤ LỤC 1<sup>88</sup>**

(Kèm theo Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của ... <sup>(1)</sup> ... về việc thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá, hôm nay vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... Đoàn kiểm tra, tiến hành làm việc tại doanh nghiệp: ....., kết quả như sau:

**I. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp kiểm tra:  
.....

Địa chỉ:  
.....

Điện thoại: ..... Fax/Email: .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ... cấp ngày ..... tháng...năm....

3. Giấy phép .....<sup>(2)</sup>... số: ... do ... cấp ... ngày ....tháng...năm.....

4. Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số: .....

5. Thành phần đoàn kiểm tra gồm các Ông (Bà) có tên sau đây: .....

6. Đại diện doanh nghiệp được kiểm tra ..... chức vụ .....

**II. Nội dung và kết quả kiểm tra**

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa

<sup>88</sup> Phụ lục 74 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT được thay thế bởi Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2019/TT-BCT theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 28/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
<b>A. Điều kiện mua bán sản phẩm thuốc lá</b>				
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			
2	Địa điểm kinh doanh			
3	Hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá của thương nhân			
4	Văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp hoặc của thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh			
5	Cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy			
6	Cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường			
<b>B. Hồ sơ lưu trữ của thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá</b>				
1	Đơn đề nghị			
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			
3	Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp hoặc nhà phân phối hoặc nhà bán buôn sản phẩm thuốc lá			
4	Hồ sơ về địa điểm kinh doanh			
5	Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (trường hợp xin cấp lại giấy phép)			
6	Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá			

7	Bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng			
---	--	--	--	--

### III. Kết luận, kiến nghị và xử lý

#### 1. Kết luận

1.1 Các quy định doanh nghiệp thực hiện tốt: .....

1.2: Những mặt còn tồn tại:

.....

#### 2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra đối với doanh nghiệp .....

2.2. Kiến nghị của doanh nghiệp đối với Đoàn kiểm tra .....

#### 3. Xử lý

.....

Đoàn kiểm tra kết thúc hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung như nhau. Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên. 01 bản được giao cho đoàn kiểm tra và 01 bản được giao cho doanh nghiệp được kiểm tra.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
(ký tên, đóng dấu)

**Trưởng đoàn kiểm tra**  
(ký tên)

#### **Chú thích:**

(1): Tên cơ quan kiểm tra.

(2): Ghi tên Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá (ví dụ: Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá...).